**Mẫu A.I.3**

**Đề xuất dự án đầu tư**

*(Dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất)  
(Điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư*

*Ngày .... tháng ... năm....)*

**I. NHÀ ĐẦU TƯ/HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư**

**1.1 Nhà đầu tư thứ nhất:**

*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên: …………………Giới tính: ........................................................................

Ngày sinh: ………….Quốc tịch:...... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân[[1]](#footnote-1)1)* số:.......; ngày cấp.......; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: ........................ Chỗ ở hiện tại:........................

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): ........................

Điện thoại: …………….Fax: ……………….Email: ...............

*b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:*

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ................... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức[[2]](#footnote-2)2)* số: ......; ngày cấp: ......; Cơ quan cấp:..... Địa chỉ trụ sở:..........................

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*):.................

Điện thoại: ……………Fax: ……………… Email: ……… Website *(nếu có)*: ...

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức *(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam.[[3]](#footnote-3)3)*:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư nước ngoài** | **Quốc tịch** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
|  |  |  |  |  |  |

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh *(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):........*

***Thông tin về người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:***

Họ tên: …………………Giới tính:

Ngày sinh: ………….Quốc tịch:

...... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)* số:.......; ngày cấp.......; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: …………….Fax: ……………….Email:

**1.2. Nhà đầu tư tiếp theo** *(nếu có)***:** kê khai thông tin tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất.

**2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư *(nếu có)*:** (Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai/ Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu/ Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:**

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

*(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô…, tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố)*.

**2. Mục tiêu dự án:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu hoạt động** | **Mã ngành theo VSIC**  *(Mã ngành cấp 4)* | **Mã ngành CPC (\*)**  *(đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)* |
| 1 | ………. |  |  |
| 2 | ………. |  |  |

*Ghi chú:*

*- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.*

*- (\*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.*

**3. Quy mô dự án:**

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí *(nếu có)*:

- Diện tích: liệt kê cụ thể diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng *(m2 hoặc ha);*

*-* Diện tích đất phù hợp quy hoạch: m2 (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch);

- Công suất thiết kế;

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp;

- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến *(diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,* *mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất…);*

***Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.***

*Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:*

- Diện tích đất xây dựng:…. m2*;*

- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:…. m2*;*

- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự … theo quy định của Luật Nhà ở)*;*

- Số lượng nhà ở: ………… căn*;*

- Quy mô dân số: …… người*;*

- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:…..*(có/không);*

- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:…..*(có/không);*

- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:…..*(có/không);*

**4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:**

4.1. Tổng vốn đầu tư: …....*(bằng chữ)* đồng và tương đương …… *(bằng chữ)* đô la Mỹ *(tỷ giá..... ngày..... của.......)*, trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư:...*(bằng chữ)* đồng và tương đương … *(bằng chữ)* đô la Mỹ.

- Vốn huy động: ……. *(bằng chữ) đồng* và tương đương … *(bằng chữ)* đô la Mỹ, trong đó:

+ Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :

+ Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :

+ Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư *(nếu có)*:

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án *(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư)*:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** | **Phương thức góp vốn (\*)** | **Tiến độ góp vốn** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

(\*) *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,*

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (*vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,…)* và tiến độ dự kiến.

c) Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư *(nếu có)*:

**5. Thời hạn hoạt động của dự án:**

**6. Tiến độ thực hiện dự án:** *(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):*

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành *(nếu có);*

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần *(nếu có);*

*(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).*

**7. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất** *(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất).*

7.1. Địa điểm khu đất: giới thiệu tổng thể về khu đất *(địa chỉ, diện tích, ranh giới, vị trí địa lý):*

7.2. Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai *(lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)*

7.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ diện tích đất và cơ cấu sử dụng đất, thời hạn, tỷ lệ sử dụng đất của từng hạng mục công trình*)

7.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai.

7.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai*.*

7.6. Dự kiến sơ bộ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác đối với trường hợp các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ *(nếu có)*

7.7. Giải trình nhu cầu sử dụng đất

* Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch chung phát triển, phân khu của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc:

*+ Phù hợp định hướng, tính chất của đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu CNC Hoà Lạc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.*

*+ Mục đích đầu tư của dự án phải phù hợp với tính chất, mục tiêu của quy hoạch phân khu Khu chức năng mà nhà đầu tư đề xuất thực hiện đầu tư.*

* Nêu rõ các căn cứ, yêu cầu cụ thể về kết cấu, bao che công nghệ; các tiêu chuẩn, qui chuẩn thiết kế áp dụng, yêu cầu phải áp dụng tiêu chuẩn công trình xanh ( Eco), Hệ thống quản lý tòa nhà thông minh để tích hợp với quy trình quản lý đô thị thông minh tại khu CNC Hòa Lạc

*+ Các tiêu chuẩn, căn cứ, quy định hiện hành áp dụng kết cầu bao che*

*+ Dự kiến kết cấu bao che công trình, dây chuyền công nghệ*

*+ Giải pháp cam kết áp dụng tiêu chuẩn công trình xanh, thân thiện môi trường, Nêu rõ định hướng quản lý hệ thống tòa nhà thông minh.*

* Bảng tổng hợp các chỉ tiêu quy hoạch gồm:

*+ Mật độ xây dựng (tỷ lệ công trình chính, cây xanh, giao thông, công trình phụ trợ),*

*+ Tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất,*

*+ Yêu cầu sơ bộ về hạ tầng (cấp điện, nước...).*

* Khái toán kinh phí

*+ Áp dụng các quy định hiện hành về suất vốn đầu tư để khái toán kinh phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình*

*+ Nhà đầu tư xây dựng suất vốn đầu tư hợp lý với các hạng mục công trình không có sẵn trong các biểu mẫu định mức quy định.*

*+ Chi phí xử lý môi trường ( nếu có)*

* Các bản vẽ thể hiện nhu cầu sử dụng đất của dự án:
  + *Bản vẽ Tổng mặt bằng sơ bộ tỷ lệ 1/200÷1/500, trong đó chỉ rõ:*

*+ Các khu chức năng chính (số tầng đề xuất).*

*+ Các công trình phụ trợ (số tầng đề xuất).*

*+ Tổ chức giao thông nội bộ, giao thông kết nối.*

*+ Cây xanh, cảnh quan.*

* + *Bản vẽ mặt bằng sơ bộ cần chỉ ra được:*

*+ Diện tích mặt bằng công năng các tầng.*

*+ Diện tích mặt bằng dây chuyền công nghệ.*

* + *Hình ảnh minh họa, hình thức, ý tưởng công trình (nếu có).*

*+ Phối cảnh minh hoạ toàn dự án.*

*+ Phối cảnh công trình.*

**8. Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất** *(nếu có)*.

**9. Nhu cầu về lao động** *(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)*

**10. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:** Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ...)

**11. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan**

**12. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường** *(nếu có)* **theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường**

12.1. Thành phần chất thải từ công nghệ sản xuất (khối lượng, loại và cách xử lý)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Loại** | **Khối lượng thải ra dự tính hằng tháng** | **Thành phần vật lý và hóa học (nêu rõ mức độ độc hại nếu có)** | **Biện pháp và công nghệ xử lý (tóm tắt)** |
| Chất thải dạng rắn  Chất 1 / 1  Chất 2… / 2… |  |  |  |
| Chất thải dạng khí  Chất 1 / 1  Chất 2… / 2… |  |  |  |
| Chất thải dạng lỏng  Chất 1 / 1  Chất 2… / 2… |  |  |  |
| Độ rung, tiếng ồn |  |  |  |
| Chất thải nguy hại (sóng điện từ, chất phóng xạ, hóa chất…) |  |  |  |

12.2. Nguy cơ sự cố môi trường và giải pháp khắc phục

Giải trình cụ thể biện pháp và công nghệ xử lý chất thải:

- Chất thải rắn: ….

- Chất thải dạng lỏng: ….

- Chất thải khí: ….

- Độ dung, tiếng ồn:….

- Chất thải nguy hại: (hóa chất, phóng xạ, điện từ…): …

12.3. Các giải pháp phát triển dự án một cách thân thiện với môi trường

Nêu rõ các giải pháp thân thiện môi trường như: sử dụng các loại nguyên, nhiên, vật liệu ít gây ô nhiễm; các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, giải pháp sử dụng các nguồn năng lượng sạch, tái tạo v.v... (nếu có).

12.4. Tiêu chuẩn môi trường áp dụng

Nêu rõ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (của Việt Nam hoặc quốc tế) về môi trường mà dự án dự kiến áp dụng.

**13. Giải trình việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài** *(nếu có)*

**14. Đối với dự án đầu tư xây dựng**

14.1Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị: bổ sung thuyết minh việc đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân ch ia dự án thành phần (*nếu có*); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án, trong đó đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương;

14.2 Đối với các dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này: bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có).

**15. Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư** (*đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, dự án đầu tư vào khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, nếu có).*

**15.1. Công nghệ của dự án:**

a) Nêu rõ tên công nghệ sản xuất của dự án, giải trình, chứng minh và xác định công nghệ sản xuất này thuộc mục nào của Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành *(Quyết định 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ)*.

b) Xuất xứ công nghệ: *(ghi rõ nước xuất xứ công nghệ, năm công nghệ ra đời, tiêu chuẩn quốc tế của công nghệ và đính kèm phụ lục giấy tờ chứng minh thông tin kê khai).*

c) Mô tả chi tiết, cụ thể về Quy trình công nghệ sản xuất, thuyết minh các bước của quy trình công nghệ và nêu đặc điểm nổi bật của công nghệ (kèm theo phụ lục sơ đồ minh họa, sơ đồ bố trí mặt bằng dây chuyền công nghệ, tính phù hợp của việc bố trí (có dự kiến kích thước cụ thể).

d) Trình bày về sự hoàn thiện của công nghệ, mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ, tính mới, nổi trội của công nghệ, tính thích hợp của công nghệ, phương án lựa chọn công nghệ.

e) Nêu rõ việc thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có), trong đó yêu cầu thông tin về Hợp đồng chuyển giao công nghệ, nội dung chuyển giao công nghệ, giá trị hợp đồng, bản quyền, thời hạn (đính kèm bản sao Hợp đồng chuyển giao công nghệ).

**15.2. Sản phẩm và năng lực sản xuất**

a)Nêu rõ loại sản phẩm của dự án

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm** | **Số lượng (Tối thiểu)** | **Giá trị (VNĐ/USD)** | **Thị trường (%)** | | **Sản phẩm tương tự trong nước và thế giới** | **Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng của sản phẩm** |
| **Trong nước** | **Xuất khẩu** |
| a) | Giai đoạn đầu |  |  |  |  |  |  |  |
|  | * …. |  |  |  |  |  |  |  |
| b) | Giai đoạn ổn định |  |  |  |  |  |  |  |
|  | * …. |  |  |  |  |  |  |  |

b) Chứng minh, giải trình làm rõ sản phẩm của dự án thuộc mục nào của Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành *(Quyết định 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ)*.

c) Đính kèm bản liệt kê chi tiết các sản phẩm (brochure nếu có), nêu rõ sản phẩm nào là mới đối với Việt Nam, hoặc là sản phẩm cải tiến từ sản phẩm đã sản xuất được tại Việt Nam.

d) Trình bày về chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng, mức độ thân thiện với môi trường và khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu.

e) Dự báo nhu cầu thị trường (trong và ngoài nước) có tính đến các sản phẩm cùng loại, độ tin cậy của dự báo đối với:

+ Sản phẩm mới sản xuất bằng công nghệ đã nghiên cứu ở nước ngoài đưa vào thực hiện tại dự án

+ Sản phẩm mới dự kiến sản xuất bằng công nghệ sẽ được nghiên cứu và phát triển (R&D) tại dự án

**15.3. Nghiên cứu và Phát triển (R&D) của Dự án**

a) Nội dung hoạt động R&D của dự án tại Việt Nam

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung hoạt động R&D** | **Thời gian thực hiện** | **Kinh phí (VNĐ/USD)** |
| Năm 1 |  |  |  |
| Năm… |  |  |  |

b) Tỷ lệ chi phí R&D trên tổng doanh thu hàng năm:…. (%), tương đương …. VNĐ/USD

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Giá trị (VNĐ/USD)** | | **Diễn giải các nội dung chi R&D** |
| Giai đoạn đầu (bình quân 3 năm đầu) | Giai đoạn ổn định (từ năm thứ tư trở đi) |
| **Tổng chi nghiên cứu phát triển (R&D)** |  |  |  |
| a) Chi xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho nghiên cứu phát triển: |  |  |  |
| * + Chi xây lắp cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm |  |  |  |
| * + Chi mua sắm trang thiết bị nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm |  |  |  |
| * + Chi mua phần mềm máy tính, tài liệu kỹ thuật |  |  |  |
| b) Chi cho hoạt động nghiên cứu phát triển: |  |  |  |
| * + Tiền lương, tiền công phụ cấp cho cán bộ nghiên cứu, thù lao chuyên gia, hội thảo, hội nghị khoa học |  |  |  |
| * + Mua và vận chuyển nguyên vật liệu |  |  |  |
| * + Mua sản phẩm mẫu, tài liệu, số liệu điều tra |  |  |  |
| * + Thuê cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu thí nghiệm và thử nghiệm |  |  |  |
| c) Chi đào tạo cán bộ nghiên cứu dài hoặc ngắn hạn trong và ngoài nước |  |  |  |
| * + Trong nước |  |  |  |
| * + Ngoài nước |  |  |  |
| **Tổng chi R&D** |  |  |  |
| **Tỉ lệ chi phí R&D trên tổng doanh thu (%)** |  |  |  |

(*Theo quy định tại Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ*).

c) Hợp tác, liên kết thực hiện R&D(liệt kê tên và lĩnh vực hoạt động của tổ chức, cá nhân tham gia triển khai R&D, đính kèm phụ lục hợp đồng hợp tác, thỏa thuận hợp tác, giấy tờ chứng minh thông tin kê khai ).

d) Nêu rõ mức độ sở hữu công nghệ hay quyền quyền sử dụng công nghệ của chủ đầu tư đối với các công nghệ của dự án.

e) Số lượng và năng lực của đội ngũ nghiên cứu bao gồm trình độ, kinh nghiệm và năng lực nghiên cứu, số lượng người nước ngoài, chế độ làm việc toàn thời gian hay cộng tác… (khuyến khích kèm theo lý lịch khoa học của từng người). Tỷ lệ cán bộ nghiên cứu/tổng số cán bộ của dự án (*Theo quy định tại Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ*).

**15.4. Máy móc thiết bị của dự án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên thiết bị** | **Ký hiệu mã** | **Đặc tính, tính năng kỹ thuật** | **Xuất xứ** | **Năm chế tạo** | **Công suất** | **Mức độ tự động hoá** | **Số lượng** | **Tình trạng của thiết bị** | **Giá trị** |
| **1.Thiết bị trong dây chuyền công nghệ của dự án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Thiết bị phục vụ R&D của dự án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Thiết bị phụ trợ khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Lưu ý: tình trạng của thiết bị: mới 100% hoặc đã qua sử dụng*

**15.5. Nhu cầu về nguyên vật liệu, nhiên liệu, hóa chất, linh kiện, phụ tùng**

**a. Tiêu hao vật chất trong hoạt động của dự án**

Liệt kê theo bảng dưới đây các loại nguyên, nhiên, vật liệu chính sử dụng trong hoạt động cung ứng dịch vụ; nêu rõ chủng loại, số lượng (hoặc khối lượng), nơi sản xuất (trong nước hoặc nhập khẩu) tương ứng.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nguyên vật liệu, nhiên liệu, hóa chất, linh kiện, phụ tùng** | **Yêu cầu chất lượng** | **Số lượng/năm** | **Ước giá** | **Dự kiến nguồn cung cấp** |
| 1. | Nguyên vật liệu |  |  |  |  |
|  | * …. |  |  |  |  |
| 2. | Nhiên liệu |  |  |  |  |
|  | * …. |  |  |  |  |
| 3. | Hóa chất |  |  |  |  |
|  | * …. |  |  |  |  |
| 4. | Linh kiện, phụ tùng |  |  |  |  |
|  | * …. |  |  |  |  |

**b. Nhu cầu hạ tầng kỹ thuật của dự án**

Nêu rõ các loại hạ tầng kỹ thuật: điện, nước, nhiên liệu cần cung cấp cho từng hạng mục công trình, cho toàn bộ dự án trong giai đoạn đầu và giai đoạn ổn định của dự án.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Nước (m3, tính theo tháng)  2. Điện (Kw, tính theo tháng)  3. Nhiên liệu (lít, Kg, m3 tính theo tháng)  4.Gas công nghiệp (Kg tính theo tháng)  5.Viễn thông  a. Số line điện thoại  b. Số line ADSL  - Băng thông mỗi line ADSL  - Số kênh thuê riêng  - Băng thông mỗi leased line  6. Các nhu cầu hạ tầng đặc biệt khác (nếu có) | Giai đoạn đầu | Giai đoạn ổn định |
|  |  |

*\* Ghi chú: Đối với các dự án có nhu cầu sử dụng hạ tầng kỹ thuật (điện, nước…) với tiêu chuẩn chất lượng đặc biệt, cần mô tả cụ thể hơn.*

**15.6. Lao động và trình độ lao động**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trình độ lao động** | **Giai đoạn đầu** | | **Giai đoạn ổn định** | |
| Người Việt Nam | Người nước ngoài | Người Việt Nam | Người nước ngoài |
| Trên đại học |  |  |  |  |
| Đại học |  |  |  |  |
| Cao đẳng |  |  |  |  |
| Kỹ thuật viên |  |  |  |  |
| Trình độ khác |  |  |  |  |
| **Tổng số** |  |  |  |  |

**15.7. Các thông tin khác**

- Hệ thống quản lý chất lượng: liệt kê các chứng nhận quốc gia và quốc tế (kèm theo giấy tờ chứng nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền)

**16. Giải trình về việc đáp ứng điều kiện về suất đầu tư và lao động sử dụng đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư** *(nếu có)*

**III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ** *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

**1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp** *(nếu có)*

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*

**2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu** *(nếu có)*

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*

**3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất** *(nếu có)*

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*

**4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế** *(nếu có)*

**5. Ưu đãi đầu tư đặc biệt** *(nếu có)*

**6. Đề xuất hỗ trợ đầu tư** *(nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ... ……., ngày ….. tháng …..năm……  **Nhà đầu tư**  Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên,chức danh và đóng dấu *(nếu có)* |

1. 1 Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác. [↑](#footnote-ref-1)
2. 2 Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác. [↑](#footnote-ref-2)
3. 3 Đính kèm danh sách thành viên, cổ đông nước ngoài đối với trường hợp là Công ty TNHH, Công ty cổ phần. [↑](#footnote-ref-3)